

Số: 13/2026/QĐST-HNGĐ *Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 01 năm 2026*

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 11, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;
Căn cứ vào Điều 55, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc hôn nhân và gia đình thụ lý số 53/2026/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 01 năm 2026 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu: Ông Biện Thành A sinh năm 1976, căn cước công dân: 038076016930, cấp ngày 21/09/2022.

Địa chỉ: Số 58/9 đường T, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người yêu cầu: Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1978, căn cước công dân: 038178011589, cấp ngày .

Địa chỉ: Số 58/9 đường T, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Ông Biện Thành A và bà Nguyễn Thị T thuận tình ly hôn.

[2]. Về con chung: Ông Biện Thành A và bà Nguyễn Thị T có 04 (bốn) con chung tên Biện Thị Thanh P sinh năm 1998, Biện Hào N sinh năm 1999, Biện Thị Thanh L sinh năm 2006 và Biện Thị Thanh T sinh năm 04/03/2011. Cháu P, cháu N và cháu L đã trưởng thành nên ông bà không yêu cầu Tòa án giải quyết. Trên cơ sở nguyện vọng của con và sự thỏa thuận của ông A và bà T, ông A được quyền nuôi con chung là cháu T. Về cấp dưỡng nuôi con hai bên tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa giải quyết.

[3]. Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Biện Thành A và bà Nguyễn Thị T thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Ông Biện Thành A và bà Nguyễn Thị T có 04 (bốn) con chung tên Biện Thị Thanh P sinh năm 1998, Biện Hào N sinh năm 1999, Biện Thị Thanh L sinh năm 2006 và Biện Thị Thanh T sinh năm 04/03/2011. Cháu P, cháu N và cháu L đã trưởng thành nên ông bà không yêu cầu Tòa án giải quyết. Trên cơ sở nguyện vọng của con và sự thỏa thuận của ông A và bà T, ông A được quyền nuôi con chung là cháu T. Về cấp dưỡng nuôi con hai bên tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa giải quyết.

Bà Tám được quyền lui tới thăm nom, chăm sóc con không ai được cản trở.

Trên cơ sở lợi ích của con, trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 điều 84 Luật hôn nhân gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: Ông Biện Thành A và bà Nguyễn Thị T mỗi người phải nộp 150.000đ (Một trăm năm mươi ngàn đồng), được khấu trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí 150.000đ (Một trăm năm mươi ngàn đồng) đã nộp theo các biên lai số 0006007 và số 0006005 cùng ngày 19 tháng 01 năm 2026 của Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 11. Ông A và bà T đã nộp đủ lệ phí

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND Khu vực 11, Thành phố Hồ Chí Minh;
- Phòng THADS Khu vực 11, Thành phố Hồ Chí Minh;
- TAND Thành phố Hồ Chí Minh;
- UBND xã Hoa Lộc, tỉnh Thanh Hóa;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Dương Thị Hương